TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2018
Vv: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê.

2. Bà Nguyễn Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Thành là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Số X đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số Y, (mới Z đường C), khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong qúa trình tố tụng nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Chị T và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, do tại thời điểm đó Chị T chưa đủ kết hôn nên không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến năm 2003, mới đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 08/01/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có với nhau 02 con

chung là cháu Huỳnh Ái T và cháu Huỳnh Minh Q. Đến năm 2011 – 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gỗ, xích mích với nhau, không còn tâm đầu ý hợp, mâu thuẫn về kinh tế, tiền ai nấy xài dẫn đến tình cảm vợ chồng lạt lẻo không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mà để mặc cho đến đâu thì đến, từ 6 năm nay Chị T ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống cùng với hai con.

Trong thời gian Chị T ra ngoài ở anh N không hề quan tâm hỏi han cuộc sống của mấy mẹ con như thế nào, chỉ khi nào cần gặp con thì nhắn gặp ở bên ngoài. Đã một thời gian dài không nói chuyện với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Chị T yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con: Có 02 con chung là cháu Huỳnh Ái T, sinh ngày 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 26/6/2004. Nguyện vọng của con ở với ai thì người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Huỳnh Thành N trình bày:

Anh N và Chị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/01/2003, tại UBND phường P, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung là cháu Huỳnh Ái T, sinh ngày 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 26/6/2004. Đến năm 2011 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tính cách nên thường xuyên gây gỗ, Chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột từ năm 2012. Xác định không thể tiếp tục chung sống được với nhau, nay Chị T yêu cầu xin ly hôn, anh N có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N đồng ý ly hôn với Chị T.

Về con: Theo nguyện vọng của con ở với ai thì người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 24/4/2018, Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin được vắng mặt; anh Tuấn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt trong một số buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành nghiêm chính các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Anh N và Chị T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không hòa giải được, đến nay vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị T và Chị T phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Minh T có đơn khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu nuôi con đối với anh Huỳnh Thanh N nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay anh N đang sinh sống, làm việc tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Chị T và anh N vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và Chị T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy:

Anh N và Chị T thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung là cháu Huỳnh Ái T, sinh 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 16/6/2004. Đến năm 2011 – 2012, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gỗ, xích mích với nhau, không tâm đầu ý hợp, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Chị T đưa hai con ra ngoài sinh sống đến nay đã hơn 6 năm, nhưng trong thời gian này anh N không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm mà để mặc cho đến đâu thì đến. Xác định không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên Chị T yêu cầu xin ly hôn và anh N cũng đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống chung thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

[2.2] Về con: Có hai con chung là cháu Huỳnh Ái T, sinh ngày 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 26/6/2004. Các cháu hiện nay đã đủ 7 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ và Chị T cũng đồng ý nhận nuôi hai con nên giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ghi nhận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2018, Chị T thừa nhận hiện nay mình đang có thai với anh N được khoảng 35 tuần tuổi, do cháu chưa ra đời nên không yêu cầu giải quyết. Sau này sinh cháu Chị T tự chăm sóc con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Minh T về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Thanh N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh N.

Về con: Giao cháu Huỳnh Ái T, sinh ngày 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh Q, sinh ngày 26/6/2004 cho Chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của Chị T về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Thanh N được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0000028 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2018), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu ...

Võ Hoàng Đức